

THỦ THÁI DƯƠNG TIỂU TRƯỜNG KINH: 19 HUYỆT**1. Thiếu trạch**

Vị trí: Ở cạnh ngoài gốc móng ngón tay út

Cách lấy huyết: Úp bàn tay, cách cạnh ngoài gốc móng ngón út 0,1 thốn (H. 66)

Cách châm: Sâu hơn 0,1 thốn, thường chích nặn máu. Cứu 1-3 mũi, hơ 5 phút

Chủ trị: Đau đầu, chảy máu mũi, trúng gió hôn mê, thiếu sữa, nhiệt bệnh (cấp cứu)

Tác dụng phối hợp: Với *Hợp cốc*, *Chiên trung* trị thiếu sữa

2. Tiền cốt

Vị trí: Ở chỗ lõm trước khớp bàn và ngón thứ 5, khi nắm tay huyết ở trước nếp gấp khớp, chỗ da thấy trắng đỏ (H. 66)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,3-0,5 thốn. Cứu 1 mũi

Chủ trị: Đau cánh tay, ngón tay tê bại, sốt cao, mộng thịt ở mắt, tai ù, hầu họng sưng đau

3. Hậu khê

Vị trí: Ở cạnh ngoài bàn tay (phía ngón tay út) ở chỗ sau khớp ngón út và đốt bàn số 5 (chỗ lõm)

Cách lấy huyết: Ngửa bàn tay, nắm lại, chỗ cuối cùng của nếp gấp bàn tay là huyết (H. 66)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,5-0,6 thốn, khi nắm bàn tay có thể chạm thấu *Hợp cốc*. Cứu 3 mũi, hơ 5 phút

Chủ trị: Đau đỉnh đầu, đau lưng trên, đau thắt lưng, sái cổ, động kinh, nổi mề đay ngứa, ngón tay co rút, sốt rét, thần kinh bị kích thích.

Tác dụng phối hợp: Với *Đại chùy*, *Gian sử* trị sốt rét, với *Liệt khuyệt* trị ngực cổ đau; với *Phong trì* trị sái cổ, đỉnh đầu căng đau, với *Tam gian* trị các xương trong bàn tay và ngón tay sưng đau

4. Uyển cốt

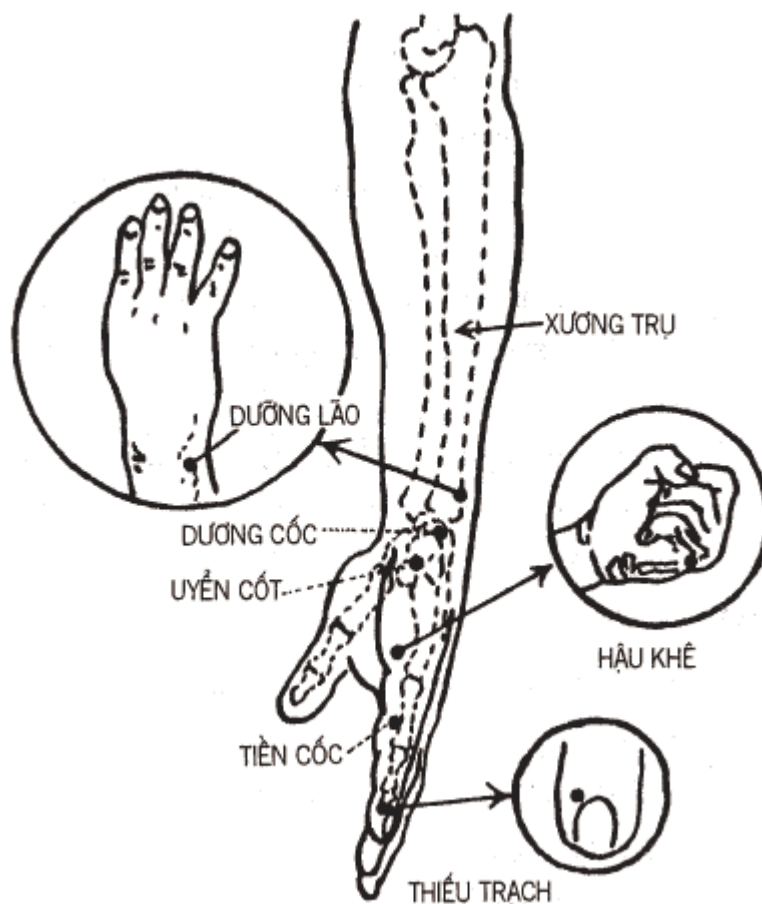
Vị trí: Cạnh ngoài bàn tay, phía trước xương cổ tay, chỗ lõm

Cách lấy huyết: Ngửa bàn tay, các ngón hơi nắm lại, từ huyết *Hậu khê* ven theo tới đầu xương tháp, chỗ xương đầu xương tháp, và xương bàn số 5 giáp nhau (H. 66)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,5 đến 1 thốn. Cứu 3 mũi, hơ 5 phút

Chủ trị: Đau đầu, cổ cứng đau, ù tai, đau dạ dày cấp, đau ở cổ tay và khớp khuỷu, khớp ngón tay, đau lưng do vận vẹo

Tác dụng phối hợp: Với *Ngoại quan* trị bong gân khớp cổ tay; với *Tiểu hải*, *Khúc trì* trị bong gân khớp khuỷu; với *Trung quán* trị vàng da



Hình 66

5. Dương cốc

Vị trí: Trên mu cổ tay, chỗ lõm ở cạnh trụ, trên làn cổ tay (H. 66)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,3-0,5 thốn. Cứu 3 mỗi

Chủ trị: Đau ở cạnh ngoài cánh tay, cổ và hàm sưng đau, cổ tay đau, bệnh tinh thần, bệnh nhiệt, tai điếc, tai ù

6. Dưỡng lão

Vị trí: Ở cổ tay, phía sau mắt cá đầu xương trụ 1 thốn (H. 66)

Cách lấy huyết: Co khuỷu tay vuông góc, úp lòng bàn tay vào ngực, sau mắt cá đầu xương trụ, cạnh xương trụ hướng về xương quay là huyết

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,3-0,5 thốn, nếu hướng mũi kim về phía khuỷu tay, châm dưới da, sâu đến 1 thốn. Cứu 3 mỗi, hơ 5 phút

Chủ trị: Đau buốt ở vai, lưng, cổ, cột sống, cánh tay, chi trên bất toại, sái cổ, mắt mờ

Tác dụng phối hợp: Với Yêu du trị đau lưng; Với Nội quan trị nấc cụt (nấc nghẹn)



Hình 67

7. Chi chính

Vị trí: Ở sau cổ tay 5 thốn

Cách lấy huyết: Ngửa bàn tay, ở cạnh ngoài xương trụ, trên đường nối huyết *Tiểu hải* với huyết *Uyển cốt*, từ lằn cổ tay lên 5 thốn (H. 67)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,5 đến 1 thốn. Cứu 3 mồi, hơ 5 phút

Chủ trị: Cổ gáy cứng, khuỷu tay khó vận động, bàn tay khó nắm

Tác dụng phối hợp: Với *Ngoại quan*, *Hợp cốc*, *Khúc trì* trị đau ở khuỷu tay và cánh tay

8. Tiểu hải

Vị trí: Ở khuỷu tay, chỗ lồi xương to cạnh trong khuỷu

Cách lấy huyết: Gấp khuỷu tay lên hướng đầu, lõm cạnh lồi xương to trong khuỷu tay về hướng nếp gấp khuỷu là huyết (H. 67)

Cách châm: Châm sâu 0,2-0,3 thốn, có cảm giác tê điện lan tới đầu ngón tay. Cứu 3 đến 5 mồi, hơ 5-10 phút.

Chủ trị: Đau đầu, đau ngón tay út, đau khớp khuỷu, đau vai, đau bả vai, động kinh.

Tác dụng phối hợp: Với *Khúc trì* trị đau khớp khuỷu.

9. Kiên trinh

Vị trí: Xuôi tay, kẹp nách, ở đầu nếp gấp sau nách lên 1 thốn (H. 68).

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 1-2 thốn. Cứu 3 mồi.

Chủ trị: Vai, bả vai đau, cánh tay không giơ lên cao được, tai ù, tai điếc

10. Nhu du

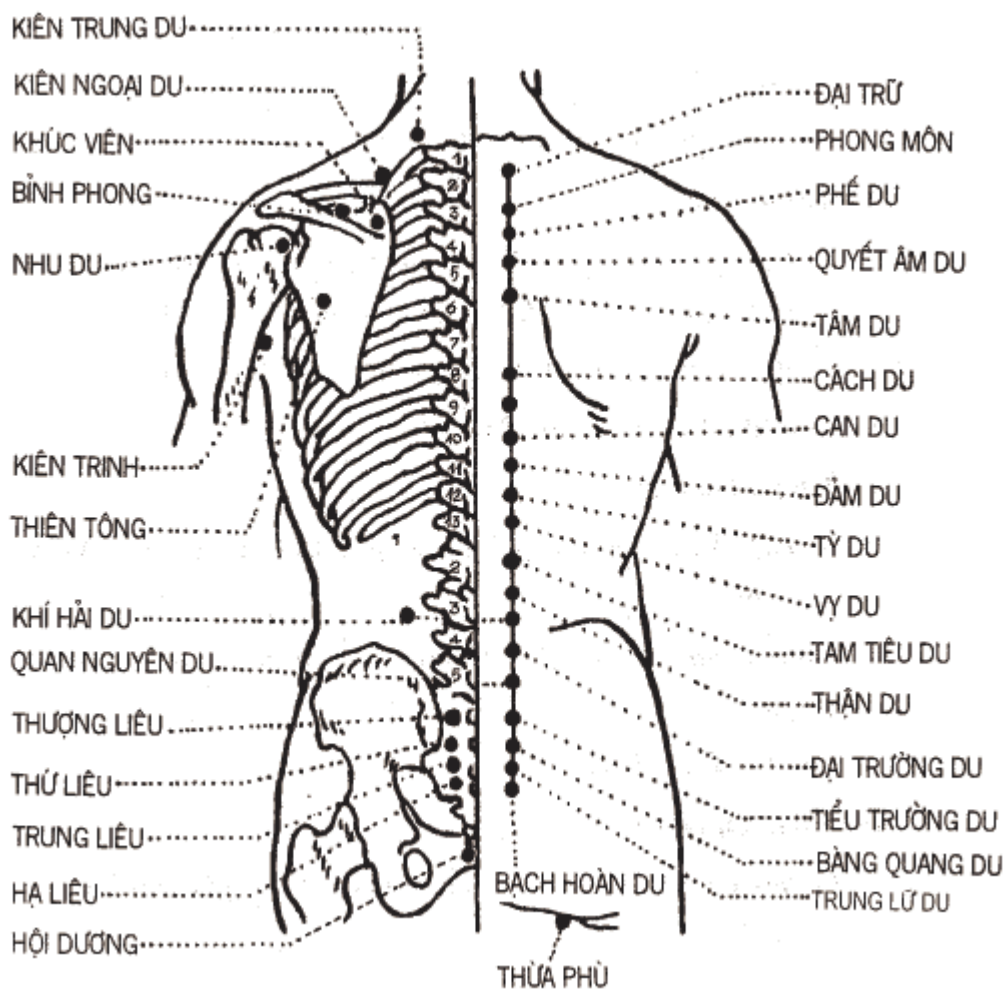
Vị trí: Từ Kiên trinh thẳng lên xương bả vai, chỗ lõm dưới đầu ngoài xương bả vai (H. 68).

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 1-2 thốn. Cứu 3 mỗi.

Chủ trị: Vai, cánh tay đau buốt, không có sức

11. Thiên tông

Vị trí: Chính giữa phía dưới của bờ gai xương bả vai. Nó và huyết Nhu du, Kiên trinh gần thành hình tam giác (H. 68).



Hình 68

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,5 đến 1 thốn. Cứu 3 mỗi.

Chủ trị: Bả vai đau, khuỷu và cánh tay đau.

12. Bình phong

Vị trí: Ở chính giữa phía trên bờ gai xương bả vai, từ huyết Thiên tông thẳng lên. Khi gập tay tạo thành hố lõm (H. 68).

Cách châm: Châm chéo kim, sâu 0,5 đến 1 thốn. Cứu 5 mồi.

Chủ trị: Bả vai đau, chi trên tê buốt

13. Khúc viên

Vị trí: Chỗ lõm ở cạnh trong phía trên bờ gai xương bả vai, ở giữa đường nối *Nhu du* tới móm gai đốt sống 2 (H. 68).

Cách châm: Châm chéo kim, sâu 0,5 đến 1 thốn. Cứu 3 mồi.

Chủ trị: Bả vai co rúm, đau đớn.

14. Kiên ngoại du

Vị trí: Ở dưới móm gai đốt sống 1 sang mỗi bên 3 thốn (H. 68).

Cách châm: Châm chéo kim, sâu 0,5 đến 1 thốn. Cứu 3 mồi.

Chủ trị: Đau bả vai

15. Kiên trung du

Vị trí: Trên móm gai đốt sống lưng 1 sang mỗi bên 2 thốn. (H. 68)

Cách châm: Châm chéo kim, sâu 0,5 đến 1 thốn

Chủ trị: Bả vai đau, sái cổ, viêm phế quản, hen suyễn

16. Thiên song

Vị trí: Yết hầu sang hai bên 3,5 thốn, phía sau cơ ức đòn chũm, sau huyết *Phù đột* 0,5 thốn (H. 69)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 0,5 đến 1 thốn. Cứu 3 mồi

Chủ trị: Tai điếc, tai ù, hầu họng sưng đau, cổ gáy cứng

17. Thiên dung

Vị trí: Phía dưới tai, dưới góc quai hàm, trước cơ ức đòn chũm (H. 70)

Cách châm: Châm đứng kim, sâu 1,5-2 thốn, tránh động mạch. Cứu 3 mồi

Chủ trị: Viêm amidan, hầu họng sưng đau, khó phát âm

18. Quyền liêu

Vị trí: Thẳng đuôi mắt xuống, chỗ lõm dưới xương gò má (H. 69)

Cách châm: Châm chéo kim, sâu 0,5 thốn. Cầm cứu

Chủ trị: Đau răng, liệt mặt

19. Thính cung

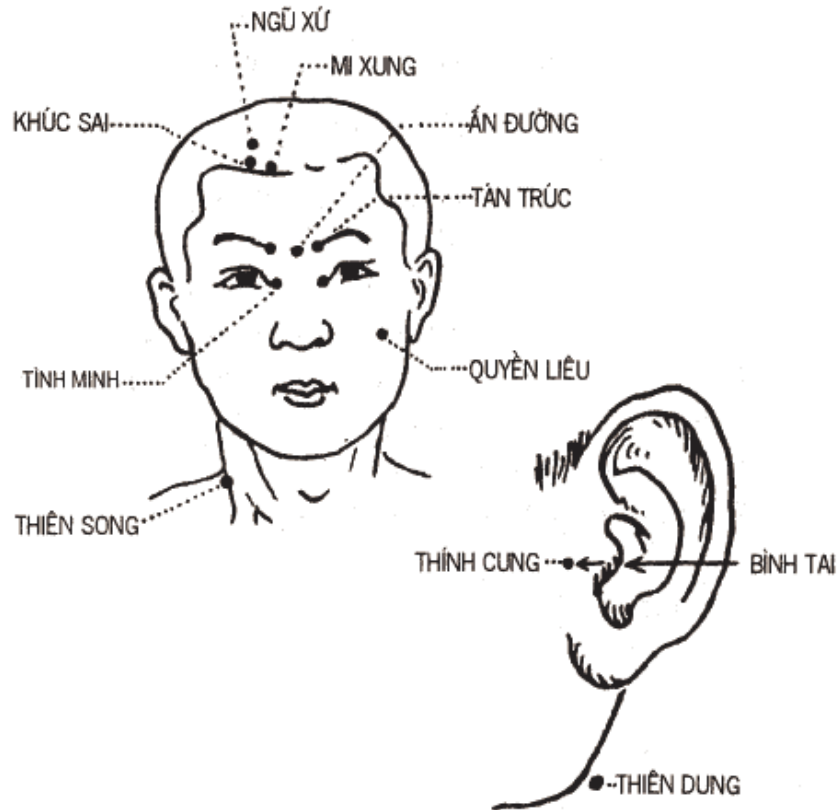
Vị trí: Ở phía trước bình tai, ngay ở khớp hàm, há mồm thì thấy đây là chỗ lõm (H. 70)

Cách lấy huyết: Chính giữa, phía trước của bình tai, ấn ngón tay để thấy chỗ lõm, ấn mạnh trong tai có tiếng ù ù

Cách châm: Châm đứng kim, sâu đến 0,5 thốn. Cứu 3 mồi, hơ 5 phút

Chủ trị: Tai điếc, tai ù, tai đau

Tác dụng phối hợp: Với Thính hội, Trung chủ, Ngoại quan, trị bệnh câm điếc



Hình 69 - Hình 70